

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007
của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ
đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
(Kèm theo Công văn số 313-CV/TU ngày 29/5/2017
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11- NQ/TW

I - CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VIỆC QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đặc điểm, tình hình

- Khái quát đặc điểm, tình hình chung của địa phương, đơn vị.
- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành trong việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, ban hành các văn bản chỉ đạo của địa phương, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.
- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết việc tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết.

II - KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành trong hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đối với công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

2. Xây dựng, hoàn thiện và giám sát thực hiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ. Đặc biệt quan tâm đến nội dung thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, nghỉ hưu.

3. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo,

có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu. Việc tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Nghị định 56/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm của bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý. Số lượng, chất lượng nguồn quy hoạch cán bộ nữ ở địa phương, đơn vị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch và theo chức danh ở địa phương, đơn vị; việc bố trí, luân chuyển cán bộ lãnh đạo nữ; đảm bảo tỉ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp, nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo tinh thần Nghị quyết.

- Công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ, nữ cán bộ quản lý.

- Công tác phát triển đảng viên nữ.

- Cơ chế, chính sách của địa phương, đơn vị đối với công tác cán bộ nữ.

5. Xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức Hội thực sự vững mạnh, phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ.

- Những chủ trương, biện pháp của các cấp ủy đảng nhằm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp Hội.

- Vai trò của các cấp Hội trong việc đề xuất, tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

- Kết quả đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức hội phụ nữ các cấp; tỉ lệ tập hợp hội viên hằng năm, chất lượng tổ chức cơ sở hội...

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm, nguyên nhân của những ưu điểm.

2. Khuyết điểm, hạn chế; nguyên nhân (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan).

3. Bài học kinh nghiệm.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

I - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội của cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật về công tác phụ nữ, bình đẳng giới; Nâng cao năng lực về lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường công tác phối hợp của chính quyền, các ngành chức năng với hội liên hiệp phụ nữ các cấp trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phụ nữ, phát huy vai trò nòng cốt xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng người phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân ái.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu mới.

5. Tiếp tục xây dựng, củng cố tổ chức hội liên hiệp phụ nữ các cấp vững mạnh, phát huy hiệu quả vai trò nòng cốt của hội trong công tác vận động phụ nữ.

II - KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu rõ các đề xuất, kiến nghị với các cấp ủy đảng, chính quyền và các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X)
về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

TT	Nội dung	Kết quả	Yêu cầu
I	Kết quả tổ chức triển khai Nghị quyết (số liệu 10 năm)		
1	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết		
	- Số cuộc hội nghị quán triệt riêngcuộc	
	- Số cuộc phối hợp tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các Hội nghị chuyên đề khác liên quancuộc	
2	Xây dựng, ban hành Chỉ thị/ Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết (nêu rõ số lượng văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết được ban hành ở từng cấp dưới đây)	- Cấp tỉnh: - Cấp huyện: - Cấp xã:	Trích yếu văn bản Chỉ thị/Chương trình/Kế hoạch triển khai Nghị quyết của tỉnh/thành ủy hoặc UBND tỉnh/thành phố
3	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện ở các sở, ngành và đơn vị cấp dưới tại địa phương (<i>đánh dấu V vào phương án trả lời ở cột kết quả</i>)	- Hàng năm: - 2 năm/lần: - 3 năm/lần: - Không kiểm tra, giám sát	Nêu rõ lý do không tổ chức kiểm tra, giám sát:
4	Tổng số cuộc kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết đã được triển khai trong giai đoạn 2007 - 2017cuộc	
II	Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ (số liệu 10 năm)		

1	Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới		
	- Số lượt cán bộ, đảng viên được tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giớilượt người	
	- Số lượt cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành, đoàn thể được tiếp cận với kiến thức, chương trình về bình đẳng giới.	- Cấp tỉnh: - Cấp huyện: - Cấp xã:	
	- Số lượt thành viên ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tập huấn về giớilượt người	
2	Các chính sách về công tác phụ nữ và bình đẳng giới được sở, ngành, đoàn thể ban hành hoặc sửa đổi		Gửi kèm văn bản và ghi rõ trích yếu văn bản ở các nội dung liên quan dưới đây
	- Số chính sách đặc thù tạo điều kiện cho phụ nữ ở địa phương được ban hành hoặc sửa đổichính sách	
	- Số chương trình, chính sách (về kinh tế, văn hóa, xã hội) của địa phương có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về giớichương trình/chính sách	
2.1	Chính sách liên quan đến gia đình (đánh dấu V bên cạnh phương án trả lời ở ô kết quả)		
	Chính sách của địa phương liên quan đến xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc	Có Không	
	Chính sách của địa phương hỗ trợ thai sản, nhà trẻ, mẫu giáo	Có Không	
2.2	Chính sách liên quan đến cán bộ nữ		
	- Số cấp ủy xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ nữ trong chiến lược quy hoạch tổng thể về cán bộ của đơn vị mình/tổng số cấp ủy	- Cấp tỉnh: - Cấp huyện: - Cấp xã:	
	- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực gắn với quy hoạch	Có Không	
	- Chính sách về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ, đặc biệt cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo	Có Không	

	- Chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học có con nhỏ	Có Không	
2.3	Chính sách đối với phụ nữ		
	- Chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo (đại học, sau đại học), bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới	Có Không	
	- Chính sách hỗ trợ tạo điều kiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, xóa đói, giảm nghèo, tiếp cận thông tin, hưởng thụ văn hóa cho phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa.	Có Không	
	- Chính sách hỗ trợ phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn	Có Không	
2.4	Chính sách đối với lao động nữ		
	- Chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho lao động nữ; giải quyết việc làm cho lao động nữ dôi dư do cơ phân, phụ nữ nông thôn không còn đất canh tác, phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật.	Có Không	
	- Chính sách khuyến khích hỗ trợ phụ nữ phát triển doanh nghiệp	Có Không	
	- Chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống cho lao động nữ làm việc tại các khu công nghiệp tập trung	Có Không	
2.5	Chính sách đối với Hội LHPN các cấp		
	Quy định về cơ chế đề Hội LHPN được tham gia quá trình xây dựng văn bản	Có Không	
	Chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện xây dựng củng cố tổ chức Hội LHPN Việt Nam	Có Không	
3	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giới		
3.1	Lao động, việc làm		
	Tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	

	Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo chuyên môn kỹ thuật/tổng số người được đào tạo chuyên môn kỹ thuật	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Tỷ lệ nữ có việc làm/tổng số người có việc làm	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ/tổng số người thất nghiệp	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, chủ trang trại	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
3.2	Lãnh đạo – quản lý		
	- Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp		
	+ Cấp tỉnh	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
	+ Cấp huyện	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
	+ Cấp xã	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
	- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	- Khóa XII: - Khóa XIII: - Khóa XIV:	
	- Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp		
	+ Cấp tỉnh	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
	+ Cấp huyện	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	

	+ Cấp xã	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong UBND các cấp			
	+ Cấp tỉnh	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
	+ Cấp huyện	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
	+ Cấp xã	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước các cấp			
	+ Cấp tỉnh	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	+ Cấp huyện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	+ Cấp xã	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội các cấp			
	+ Cấp tỉnh	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	+ Cấp huyện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	+ Cấp xã	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	

- Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có từ 30% nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ/tổng số		
+ Cấp tỉnh	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
+ Cấp huyện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
+ Cấp xã	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
- Địa phương có cấp ủy viên là lãnh đạo Hội phụ nữ cùng cấp (báo cáo Có hoặc Không ở ô kết quả)		
+ Cấp tỉnh	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
+ Cấp huyện	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
+ Cấp xã	- NK 2006 – 2010 : - NK 2011 – 2015 : - NK 2016 – 2020 :	
- Địa phương có đại diện Hội Phụ nữ tham gia các hội đồng, ban chỉ đạo (báo cáo Có hoặc Không ở ô kết quả)		
+ Cấp tỉnh	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
+ Cấp huyện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
+ Cấp xã	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
- Tỷ lệ nữ đảng viên/tổng số đảng viên	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	

3.3	Giáo dục và đào tạo		
	Tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo tại các trường lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước (trong tổng số người tham gia đào tạo) trong 5 năm gần đây		
	Tỷ lệ nữ có trình độ thạc sỹ/tổng số người có trình độ thạc sỹ	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Tỷ lệ nữ có trình độ tiến sỹ/tổng số người có trình độ tiến sỹ	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Tỷ lệ nữ phó giáo sư, giáo sư/tổng số giáo sư, phó giáo sư	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
4	Khoa học và công nghệ		
	Số đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp nhà nước do nữ làm chủ/tổng số đề tài	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
5	Đời sống gia đình		
	Số trường hợp tảo hôn	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Tỷ số mất cân bằng giới tính khi sinh	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số trường hợp là phụ nữ kết hôn với người nước ngoài	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số phụ nữ bị bạo lực gia đình được phát hiện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số phụ nữ bị bạo lực gia đình được phát hiện hỗ trợ tư vấn tâm lý, pháp lý, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Bảo trợ và an toàn xã hội		

	Số vụ xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái được phát hiện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số vụ buôn bán phụ nữ và trẻ em có hồ sơ quản lý	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán được phát hiện	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số phụ nữ nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Số phụ nữ làm mại dâm có hồ sơ quản lý	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
3.7	Công tác bình đẳng giới		
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới của địa phương ở cấp tỉnh		
	Chuyên trách	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Kiểm nhiệm	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới của địa phương ở cấp huyện		
	Chuyên trách	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	Kiểm nhiệm	- 2007 : - 2012 : - 2017 :	
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp xã	- 2007 : - 2012 :	